

Bản án số: 99/2019/HS-ST
Ngày 16-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH toà: Ông Lê Đức Lập

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký pH toà: Bà Phạm Thị Nguyệt Minh - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia pH toà:
Ông Trần Thế Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 743/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Thị H, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1962 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Xã A1, huyện A2, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số A3 xã A4, huyện A2, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn B (đã chết) và bà Phạm Thị Kh; có chồng là Lê Văn H1 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27 tháng 5 năm 2019 đến nay; có mặt.

2. Lê Văn H2, sinh ngày 07 tháng 3 năm 1990 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Xã A1, huyện A2, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: A5, xã A4, huyện A2, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1 và bà Trịnh Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Hồng Y và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 25 tháng 01 năm 2019 đến ngày 29 tháng 01 năm 2019 chuyển tạm giam đến nay; có mặt.

3. Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1981 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Số A6, phường A7, quận A8, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số A9, phường A7, quận A8, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trọng Th và bà Phạm Thị Ngh; có chồng là Nguyễn Đức M (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25 tháng 01 năm 2019 đến ngày 29 tháng 01 năm 2019 chuyển tạm giam, ngày 03 tháng 7 năm 2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Lê Đức H3; sinh năm 1987; nơi cư trú: Số A3 xã A4, huyện A2, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01 năm 2017, Trịnh Thị H mua lại 07 Công ty đã thành lập của một phụ nữ tên là X (hiện H không biết lai lịch địa chỉ của X) với số tiền 470.000.000 đồng, mục đích để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (sau đây viết tắt là GTGT). Để hợp lý hóa hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT, hợp lý hóa chứng từ sổ sách, khai báo với cơ quan thuế, Trịnh Thị H thuê Lê Thị Mỹ L làm kế toán, khai báo thuế điện tử với các cơ quan thuế đồng thời trực tiếp viết nội dung, ký giả chữ ký tại các mục người bán hàng, mục giám đốc trên các tờ hóa đơn bán trái phép, quản lý con dấu, các quyền hóa đơn, hồ sơ, chứng từ của 06 Công ty (không bao gồm Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Vận tải Thịnh Thiên Hoàng (sau đây viết tắt là Công ty Thịnh Thiên Hoàng)) với tiền công 2.000.000 đồng/tháng. H chỉ đạo con đẻ là Lê Văn H2 đi tìm khách hàng có nhu cầu mua trái phép hóa đơn với giá trung bình là 1,5% doanh số bán hàng hóa không ghi trên hóa đơn (chưa tính thuế GTGT), tiền thu được nộp lại cho H. Đối với Công ty Thịnh Thiên Hoàng được H mua vào khoảng tháng 9 năm 2017, chưa có hoạt động kinh doanh với giá 70 triệu đồng, sau khi mua xong H giao cho H2 sử dụng để bán trái phép hóa đơn GTGT, không phải nộp tiền bán được hóa đơn GTGT cho H. H2 được H trực tiếp giúp làm kế toán cho Công ty Thịnh Thiên Hoàng nên con dấu, các quyền hóa đơn GTGT, hồ sơ, chứng từ của Công ty Thịnh Thiên Hoàng do H quản lý, cất giấu tại nhà H.

Về phương thức, thủ đoạn hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT: Những người có nhu cầu mua hóa đơn GTGT trái phép sẽ trực tiếp gặp gỡ H hoặc H2 để thỏa thuận giá mua hóa đơn, cách thức giao nhận hóa đơn, cách thức chuyển khoản. Khi hai bên thống nhất thì khách hàng cung cấp thông tin cần viết vào hóa đơn như tên hàng hóa, doanh số, tên công ty mua. Căn cứ vào tình hình thực tế của 07 Công ty, H chỉ đạo L viết các thông tin trên vào hóa đơn GTGT, đóng dấu chữ ký Giám đốc, dấu chức danh, dấu tròn của từng Công ty vào hóa đơn GTGT

không. H2 nhận được hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung, đóng dấu đầy đủ sẽ đem giao cho khách, thu tiền nộp lại cho H. H và H2 không bán hóa đơn GTGT trái phép trực tiếp cho các doanh nghiệp, các khách mua hóa đơn GTGT không đều là những người môi giới, trung gian mua hóa đơn GTGT để bán lại hưởng tiền chênh lệch, H và H2 đều không biết lai lịch của họ ở đâu.

Để hợp thức hóa việc Nhà nước quy định các số hóa đơn GTGT có doanh số trên 20.000.000 đồng phải thanh toán bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng, H và H2 thỏa thuận với khách hàng về việc chuyển khoản, cụ thể: Nếu khách mua hóa đơn tự chuyển khoản thì H sẽ chỉ đạo L viết, đóng dấu không Séc rút tiền trước rồi đưa lại cho khách hàng chuyển khoản. Nếu phải tự chuyển khoản thì H2 thông báo cho H chỉ đạo L ra ngân hàng nộp tiền vào tài khoản của khách hàng, sau đó L dùng Ủy nhiệm chi của khách mua hóa đơn đã ký, đóng dấu không để chuyển số tiền vừa nộp từ tài khoản của khách hàng về tài khoản của Công ty (do H2, H sử dụng) và L dùng Séc rút tiền về trả cho H. Thịnh thoảng L bận thì H có nhờ Lê Đức H3 (con trai H) làm thủ tục rút tiền hộ H, tuy nhiên H khai H3 không biết, không tham gia việc mua bán trái phép hóa đơn.

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại quán Cafe Milano, địa chỉ: Số B1, phường B2, quận B3, thành phố Hải Phòng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng phát hiện và bắt quả tang Lê Văn H2 đang có hành vi bán trái phép hóa đơn cho Vũ Thế Gia H4, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ C, phường C1, quận C2, thành phố Hải Phòng, thu giữ của Vũ Thế Gia H4 04 tờ hóa đơn GTGT liên 2. H4 khai vừa mua của Lê Văn H2 với số tiền 27.000.000 đồng, gồm các số: Số 0000236 ngày 25 tháng 12 năm 2018, số 0000238 ngày 29 tháng 12 năm 2018 của Công ty Thịnh Thiên Hoàng và số 0000616 ngày 24 tháng 12 năm 2018, số 0000623 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Phúc Hoàng Hưng Thịnh (sau đây viết tắt là Công ty Phúc Hoàng Hưng Thịnh), với tổng doanh số chưa thuế GTGT ghi trên hóa đơn là: 790.000.000 đồng; và 08 bản Hợp đồng mua bán hàng hóa, gồm: 02 bản Hợp đồng mua bán hàng hóa số 2512/2018/ATH-TH ngày 25 tháng 12 năm 2018 ký giữa Công ty Thịnh Thiên Hoàng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ An Thái Hưng (sau đây viết tắt là Công ty An Thái Hưng), 02 bản Hợp đồng mua bán hàng hóa số 2412/2018/ATH-HT ngày 24 tháng 12 năm 2018 ký giữa Công ty Phúc Hoàng Hưng Thịnh với Công ty An Thái Hưng, 02 bản Hợp đồng mua bán hàng hóa số HĐKT01/KC-TTH/2018 ngày 29 tháng 12 năm 2018 ký giữa Công ty Thịnh TH Hoàng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Kiên Chiều (sau đây viết tắt là Công ty Kiên Chiều), 02 bản Hợp đồng mua bán hàng hóa số HĐKT01/KC-HHT/2018 ngày 28 tháng 12 năm 2018 ký giữa Công ty Phúc Hoàng Hưng Thịnh với Công ty Kiên Chiều. Thu giữ của Lê Văn H2 01 phong bì màu trắng có số tiền 27.000.000 đồng, H2 khai là tiền do Vũ Thế Gia H4 trả cho việc mua 04 tờ hóa đơn do H2 bán.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trịnh Thị H (mẹ của Lê Văn H2) tại: Số 35 Lô 6 khu nhà ở PG A4, huyện A2, thành phố Hải Phòng (theo H2 khai là nơi H2 cất giấu vật chứng), thu giữ: 02 dấu tròn của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Vận tải Mạnh Hùng (viết tắt Công ty Mạnh Hùng) và Công ty Thịnh Thiên Hoàng cùng 02 con dấu chức danh Giám đốc mang tên Trần Văn Tuyền, Lê Văn H2, 08 quyển hóa đơn GTGT chưa ghi nội dung mỗi quyển 50 số gồm 3 liên (08 quyển hóa đơn GTGT trên được đánh số 101 đến 500), 01 khẩu súng hơi bắn đạn chì, số tiền 204.100.000 đồng, 01 bộ máy tính cùng máy in, 01 điện thoại và tài liệu: Hợp đồng, phiếu thu, sổ sách, sổ theo dõi, ủy nhiệm chi.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Thị Mỹ L là kế toán do H và H2 thuê, tại: Số A6, phường A7, quận A8, thành phố Hải Phòng, thu giữ: 05 con dấu hình tròn bằng nhựa có ghi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển thương mại Mạnh Hường (viết tắt Công ty Mạnh Hường), Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại dịch vụ Bảo Ngọc (viết tắt Công ty Bảo Ngọc), Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại vận tải Hà Duy Khánh (Công ty Hà Duy Khánh), Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải Trường Thành Đạt (viết tắt Công ty Trường Thành Đạt), Công ty Phúc Hoàng Hưng Thịnh; 05 con dấu chức danh Giám đốc Nguyễn Thị Thu Hường, Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Thanh Huyền, Thạch Quang Tuấn, Hồ Thị Kim Yến; 02 Quyển hóa đơn GTGT đang viết dở của Công ty Bảo Ngọc và của Công ty Phúc Hoàng Hưng Thịnh; 05 chữ ký số nhãn hiệu Vietten gồm các số: 5404160601013211, 5404170601011033, 5404140808012136, 5404170601005445 của Công ty Bảo Ngọc, Công ty Hà Duy Khánh, Công ty Trường Thành Đạt, Công ty Phúc Hoàng Hưng Thịnh, số 5404170601010253 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương Mại và vận tải Phúc Thiên An (viết tắt Công ty Phúc Thiên An) và các tập tài liệu giấy tờ cùng máy tính.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Trịnh Thị H, Lê Văn H2 và Lê Thị Mỹ L khai nhận:

Tính từ tháng 05 năm 2016 đến hết tháng 01 năm 2019, Trịnh Thị H đã tổ chức đặt in tổng cộng 160 quyển = 8.000 số hóa đơn GTGT tại các doanh nghiệp tư nhân và đã tổ chức bán trái phép hóa đơn với sự giúp sức của Lê Văn H2 và Lê Thị Mỹ L. Tổng số hóa đơn GTGT mà Trịnh Thị H, Lê Văn H2 tham gia bán trái phép hóa đơn của 07 Công ty là 2.474 hóa đơn; Lê Thị Mỹ L chỉ đồng phạm với H, H2 tham gia bán trái phép hóa đơn của 06 Công ty (không bao gồm Công ty Thịnh Thiên Hoàng) là 2318 hóa đơn. Giá trung bình bán hóa đơn là 1,5% doanh số hàng hóa, dịch vụ không ghi trên hóa đơn GTGT (chưa tính thuế VAT 10%). Theo tính toán trên hóa đơn thì tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra không là: 637.210.428.269 đồng, ước tính tiền bán hóa đơn không thu được là 9.558.156.424 đồng. Trong đó: H đã sử dụng 06 Công ty (không bao gồm Công ty Thịnh Thiên Hoàng) bán hóa đơn GTGT trái phép với doanh số không là: 562.915.021.844 đồng với giá trung bình là 1,5% doanh số hàng hóa không (chưa tính thuế VAT

10%), ước tính thu số tiền 8.048.135.399 đồng. Tuy nhiên do khách nợ tiền nên H chỉ thu về được số tiền khoảng 2.000.000.000 đồng; sau khi trừ đi 470.000.000 đồng H chỉ để mua 07 Công ty, chi nộp thuế 950.057.025 đồng, trả công cho Lê Thị Mỹ L số tiền 58.000.000 đồng thì thực tế H chỉ thu lợi số tiền 489.987.975 đồng. Lê Văn H2 với sự giúp sức của H đã sử dụng Công ty Thịnh Thiên Hoàng để bán trái phép hóa đơn GTGT với doanh số bán hàng hóa, dịch vụ không là: 74.295.406.425 đồng, giá trung bình là 1,5% doanh số hàng hóa không (chưa tính thuế VAT 10%), ước tính thu số tiền 1.114.431.096 đồng từ việc bán trái phép hóa đơn GTGT. Thời điểm bị bắt quả tang cũng là lần đầu H2 tăng giá bán hóa đơn GTGT lên 3,5% tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Do 07 Công ty trên không có hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa, dịch vụ gì nên để hợp lý hóa hàng hóa dịch vụ đầu vào, H đã chỉ đạo Lê Thị Mỹ L sử dụng 07 Công ty trên để xuất hóa đơn đầu vào cho nhau với tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào không là 631.818.473.760 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng tiến hành xác minh địa chỉ theo đăng ký kinh doanh của 07 Công ty mà Trịnh Thị H và các đồng phạm sử dụng để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Tại các địa chỉ trên chủ hộ của 07 địa điểm đăng ký trụ sở của 07 Công ty nêu trên khẳng định không cho ai thuê nhà, thuê văn phòng, thuê đặt biển hiệu Công ty và không có bất kỳ hoạt động gì. Chính quyền địa phương xác nhận tại địa điểm đăng ký trụ sở 07 Công ty trên đều không đặt biển hiệu, không có văn phòng, kho bãi hàng hóa, không có hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tiến hành xác minh, gọi hỏi Trần Văn Tuyên người đứng tên giám đốc Công ty Thịnh Thiên Hoàng khai: Tuyên không có công ăn việc làm ổn định, không biết, không tham gia việc thành lập, điều hành hoạt động gì của Công ty Thịnh Thiên Hoàng. Đối với Hồ Thị Kim Yến, Phạm Văn Sáu, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Thạch Quang Tuấn, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thanh Tùng đứng tên giám đốc của 06 Công ty kết quả điều tra xác định nhận những người trên đều đã vắng mặt tại địa phương từ nhiều năm nay, quá trình sinh sống tại địa phương những người trên không làm giám đốc và thành lập doanh nghiệp để sản xuất, kinh doanh.

Xác minh tại các Chi cục thuế nơi 07 Công ty trên kê khai nộp thuế thể hiện: Các Công ty trên chưa phát sinh các sai phạm về thuế. Tổng doanh số hàng hóa dịch vụ bán ra của 07 Công ty là 637.210.428.269 đồng, tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào của 07 Công ty là: 631.818.473.760 đồng, tổng số thuế giá trị gia tăng và các loại thuế đã nộp của 07 Công ty là 950.057.025 đồng.

Xác minh tại các Công ty nơi H đặt in các quyển hóa đơn của 07 Công ty trên, thể hiện: Từ tháng 5 năm 2016, H đã đặt in 160 quyển = 8.000 số hóa đơn GTGT. Tất cả các số hóa đơn đã in đều có Thông báo in, phát hành hóa đơn đã được xác nhận của Chi cục thuế quản lý. Tổng số tiền in hóa đơn của 7 Công ty là 31.955.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã làm việc tại các Ngân hàng VietinBank chi nhánh B3, Ngân hàng VietinBank chi nhánh A8; Ngân hàng BIDV Đông Hải Phòng; Phòng giao dịch Lạch Tray - Ngân hàng BIDV Hải Phòng; Ngân hàng BIDV chi nhánh Hải Phòng; Ngân hàng SeABank Phòng giao dịch A8; Ngân hàng MB chi nhánh Bắc Hải Phòng, Phòng giao dịch Tô Hiệu; Ngân hàng AgriBank - chi nhánh Bắc Hải Phòng; Ngân hàng VietinBank chi nhánh Tô Hiệu; Ngân hàng SeABank – Chi nhánh C2. Theo yêu cầu của Cơ quan điều tra các ngân hàng trên đã thực hiện việc phong tỏa tài khoản với tổng số dư trên các tài khoản tại thời điểm phong tỏa là 409.668.820 đồng.

Trung cầu giám định đối với 23 tờ hóa đơn GTGT thu giữ trong quá trình bắt quả tang, khám xét khẩn cấp và do các đối tượng tự nguyện giao nộp, tại Bản kết luận giám định số 08/KLGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ viết nội dung của 11/23 tờ hóa đơn GTGT và chữ viết của Lê Thị Mỹ L do cùng 01 người viết ra; chữ viết nội dung 10/23 tờ hóa đơn GTGT và chữ viết của Trịnh Thị H do cùng 01 người viết ra; chữ viết nội dung trên 02/23 tờ hóa đơn GTGT còn lại chưa đủ căn cứ xác định người viết.

Trung cầu giám định đối với 01 khẩu súng dài 112 cm, trên thân súng có dòng chữ AIRFORCE Model R1201 Made in USA, (có ống ngắm) thu giữ được khi khám xét nhà Trịnh Thị H, kết luận: Khẩu súng trên là súng hơi bắn đạn chì hình nầm cỡ 5,5 mm, thuộc súng săn, không phải vũ khí quân dụng hoặc có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng. Do không phải vũ khí quân dụng nên ngày 27 tháng 5 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC03) – Công an thành phố Hải Phòng có Công văn số 587/CV-PC03(Đ7) bàn giao Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (PC06) – Công an thành phố Hải Phòng để xử lý theo thẩm quyền.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 77/CT-VKSHP-P3 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị can Trịnh Thị H, Lê Văn H2 và Lê Thị Mỹ L về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo các điểm d và đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Bị cáo Trịnh Thị H khai nhận: Bị cáo tình cờ gặp được X và được X hướng dẫn cách thức mua bán trái phép hóa đơn kiếm lời. Do bản thân bị mắc bệnh nặng, sức khỏe yếu, muốn có tiền chữa bệnh nên đã mua lại 07 công ty của X để thực hiện hành vi bán hóa đơn trong khoảng thời gian từ tháng 05 năm 2016 đến hết tháng 01 năm 2019 (là thời điểm bị phát hiện hành vi vi phạm). Ngoài công việc bán hóa đơn trái phép, bị cáo còn làm nhân viên điều hành xe của Công ty Mạnh Hùng và được trả lương từ 12.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng/tháng. Vì bị cáo bệnh tật nên đã bán thêm hóa đơn GTGT để trang trải tiền chữa bệnh. Bị cáo xác định số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn trái phép là

489.987.975 đồng sau khi đã trừ hết các chi phí (chi để trả nợ tiền mua 07 công ty với số tiền 470.000.000 đồng, chi nộp thuế 950.057.025 đồng, trả công cho Lê Thị Mỹ L số tiền 58.000.000 đồng, một số người còn nợ bị cáo tiền mua hóa đơn hiện đang bỏ trốn hơn 4 tỷ đồng, một số hóa đơn bị cáo viết giúp người quen khoảng hơn 1 tỷ đồng). Toàn bộ số tiền trên, bị cáo đã dùng để chi tiêu cá nhân, chữa bệnh và trả nợ hết. Đối với Công ty Thịnh Thiên Hoàng được H mua vào khoảng tháng 9 năm 2017, sau khi mua xong H giao cho H2 sử dụng để bán trái phép hóa đơn GTGT, không phải nộp tiền bán được hóa đơn GTGT cho H. H2 được H trực tiếp giúp làm kế toán cho Công ty Thịnh Thiên Hoàng. Do đó, H biết số tiền H2 thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn trái phép của Công ty Thịnh Thiên Hoàng là khoảng 250.000.000 đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, H đã nhận thấy hành vi phạm tội của mình nên đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính trên (bao gồm số tiền 409.668.820 đồng còn lại trong các tài khoản Ngân hàng của các Công ty do Trịnh Thị H quản lý hiện đang bị phong tỏa và 80.000.000 đồng tiền mặt H mới nộp ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng). H khai H đã có tiền sử mắc bệnh tai biến mạch máu não, hiện đang mắc bệnh hở van tim nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc cho H được hưởng hình phạt tiền để H có khả năng thực hiện. Để đảm bảo cho việc thi hành hình phạt, ngày 15 tháng 10 năm 2019, H đã tự nguyện nộp 400.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Bị cáo Lê Văn H2 khai nhận bị cáo với sự giúp sức của H đã sử dụng Công ty Thịnh TH Hoàng để bán trái phép hóa đơn GTGT. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT là 250.000.000 đồng theo lời khai của bị cáo H là đúng. Toàn bộ số tiền này bị cáo đã dùng vào việc chi tiêu cá nhân hết. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, bị cáo đã nhận thấy hành vi phạm tội của mình nên đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính trên. Đối với 01 khẩu súng dài 112 cm, trên thân súng có dòng chữ AIRFORCE Model R1201 Made in USA, (có ông ngấm) thu giữ được khi khám xét là khẩu súng bị cáo nhặt được, đem cất giấu tại nhà bà H để sưu tầm, không sử dụng vào hoạt động bất hợp pháp nào.

Bị cáo Lê Thị Mỹ L khai nhận số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT trái phép là 58.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này bị cáo đã dùng vào việc chi tiêu cá nhân hết. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, bị cáo đã nhận thấy hành vi phạm tội của mình nên đã tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính trên (L đã nộp 28.000.000 đồng). Hiện, bị cáo đã ly hôn, bản thân là lao động chính trong gia đình, bị cáo sống cùng mẹ đang bị bệnh thoát vị đĩa đệm, thoái hóa hai đốt sống, u dạ dày và phải nuôi hai con nhỏ trong đó một con bị tật khúc xạ về mắt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo để cân nhắc quyết định cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Đức H3 trình bày: Số tiền 204.100.000 đồng thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Thị H là tiền của anh thu cước vận tải có chứng từ, không liên quan đến hoạt động mua bán trái

phép hóa đơn của H2, H nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho anh số tiền trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử bị cáo Trịnh Thị H, Lê Văn H2 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; sửa một phần nội dung bản Cáo trạng, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử bị cáo Lê Thị Mỹ L về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích vai trò, nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử các bị cáo với các mức hình phạt như sau:

- Căn cứ điểm d và đ khoản 2 điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Trịnh Thị H phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng, tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính.

- Căn cứ điểm d và đ khoản 2, khoản 3 điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Lê Văn H2 từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo mức phạt 30.000.000 đồng và tịch thu số tiền thu lợi bất chính.

- Căn cứ điểm d khoản 2 điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 54, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Lê Thị Mỹ L từ 09 tháng đến 12 tháng tù, tịch thu số tiền thu lợi bất chính, xét hoàn cảnh gia đình nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh Thị H, Lê Văn H2 và Lê Thị Mỹ L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng lập vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại địa chỉ: Số B1, phường B2, quận B3, thành phố Hải Phòng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, phù hợp với lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên đủ căn cứ xác định: Từ năm 2016, Trịnh Thị H đã đứng ra mua lại 07 Công ty gồm: Công ty Phúc Thiên An, Công ty Mạnh Hường, Công ty Bảo Ngọc, Công ty Hà Duy Khánh, Công ty Trường Thành Đạt, Công ty Phúc Hoàng Hưng Thịnh và Công ty Thịnh Thiên Hoàng với mục đích hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT nhằm thu lợi bất chính. H đã trực tiếp thuê, chỉ đạo Lê Thị Mỹ L làm kế toán 06 Công ty (không bao gồm Công ty Thịnh TH Hoàng) và chỉ đạo Lê Văn H2 tìm người mua hóa đơn GTGT, giao dịch thỏa thuận với khách hàng giá bán hóa đơn GTGT, đi giao và thu tiền bán trái phép hóa đơn GTGT về đưa cho H và H2 được H giao Công ty Thịnh Thiên Hoàng để trực tiếp bán trái phép hóa đơn GTGT cho khách, không phải báo cáo, nộp tiền lời về cho H. H trực tiếp giúp H2 làm kế toán đối với Công ty Thịnh Thiên Hoàng và thống nhất với H2 giá bán là khoảng 1,5% doanh số bán hàng hóa không ghi trên hóa đơn (chưa tính thuế GTGT). Hồi 13 giờ 30 phút ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại quán Cafe Milano, địa chỉ: Số B1, phường B2, quận B3, thành phố Hải Phòng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng phát hiện và bắt quả tang Lê Văn H2 đang có hành vi bán trái phép 04 hóa đơn GTGT cho Vũ Thế Gia H4 với giá 27.000.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trịnh Thị H, Lê Văn H2, Lê Thị Mỹ L đồng phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước. Chính vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm tương tự xảy ra.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Bị cáo Trịnh Thị H, Lê Văn H2, Lê Thị Mỹ L đồng phạm cùng tham gia bán trái phép hóa đơn GTGT, trong đó Trịnh Thị H, Lê Văn H2 tham gia bán trái phép hóa đơn của 07 Công ty là 2.474 hóa đơn; Lê Thị Mỹ L chỉ đồng phạm tham gia bán trái phép hóa đơn với H, H2 của 06 Công ty (không bao gồm công ty Thịnh TH Hoàng) là 2318 hóa đơn. Các bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn. Do đó, các bị cáo Trịnh Thị H, Lê Văn H2, Lê Thị

Mỹ L phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[5] Số tiền bị cáo Trịnh Thị H thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn GTGT tính toán dựa trên các hóa đơn GTGT mà bị cáo đã bán là 7.493.668.303 đồng. Tuy nhiên, bị cáo khai trên thực tế, sau khi tính toán lại, trừ đi các khoản chi phí như: Trả nợ tiền mua công ty, nộp thuế, tiền mua hóa đơn trắng, tiền trả L cho kế toán, một số người còn nợ bị cáo tiền mua hóa đơn nhưng hiện đang bỏ trốn, một số hóa đơn bị cáo viết giúp người quen,... thì bị cáo Trịnh Thị H chỉ thu lợi được số tiền 489.987.975 đồng. Số tiền bị cáo Lê Văn H2 thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn GTGT tính toán dựa trên các hóa đơn GTGT mà bị cáo đã bán là 1.114.431.096 đồng. Tuy nhiên, bị cáo khai trên thực tế, sau khi tính toán lại, trừ đi các khoản chi phí như: Một số người còn nợ bị cáo tiền mua hóa đơn nhưng hiện đang bỏ trốn, một số hóa đơn bị cáo viết giúp người quen,... thì bị cáo Lê Văn H2 chỉ thu lợi được số tiền 250.000.000 đồng. Do số tiền thu lợi bất chính của bị cáo H và bị cáo H2 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh một cách rõ ràng nên áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử xác định bị cáo Trịnh Thị H đã thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn GTGT với số tiền 489.987.975 đồng, bị cáo Lê Văn H2 đã thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn GTGT với số tiền 250.000.000 đồng theo lời khai của các bị cáo. Do đó, các bị cáo Trịnh Thị H, Lê Văn H2 còn bị xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

- Về đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án:

[6] Bị cáo Trịnh Thị H trực tiếp mua lại 07 Công ty, tổ chức thực hiện việc bán hóa đơn trái phép của 07 Công ty và thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn trái phép của 06 Công ty (trừ Công ty Thịnh Thiên Hoàng). Trong vụ án, bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu và được hưởng lợi nhiều nhất nên giữ vai trò cao hơn so với các bị cáo khác. Bị cáo Lê Văn H2 là người giúp sức cho bị cáo H bán hóa đơn trái phép của 07 Công ty, thực hành tích cực, bản thân trực tiếp thu lợi từ việc bán hóa đơn trái phép của 01 Công ty, được hưởng lợi ít hơn bị cáo H và nhiều hơn so với bị cáo L, do vậy vai trò đứng thứ hai trong vụ án. Bị cáo Lê Thị Mỹ L được bị cáo H thuê làm kế toán, giúp sức cho bị cáo H, H2 bán hóa đơn trái phép của 06 Công ty, được nhận mức lương 2 triệu đồng/tháng, ngoài ra không được hưởng lợi gì từ H, H2 nên có vai trò thấp nhất trong vụ án.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Các bị cáo Trịnh Thị H, Lê Văn H2, Lê Thị Mỹ L bán trái phép hóa đơn trong một thời gian dài nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Các bị cáo Trịnh Thị H, Lê Văn H2, Lê Thị Mỹ L đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần này là lần đầu. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị

cáo Trịnh Thị H, Lê Văn H2, Lê Thị Mỹ L đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trước khi phiên tòa, các bị cáo Trịnh Thị H, Lê Văn H2, Lê Thị Mỹ L đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, trong đó bị cáo Trịnh Thị H đã nộp 80.000.000 đồng, bị cáo Lê Văn H2 đã nộp 250.000.000 đồng; bị cáo Lê Thị Mỹ L đã nộp 28.000.000 đồng nên các bị cáo Trịnh Thị H, Lê Văn H2, Lê Thị Mỹ L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

[9] Bị cáo Trịnh Thị H có Đơn đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền vì bị cáo đã có tuổi, có tiền sử mắc bệnh tai biến mạch máu não, hiện đang mắc bệnh hở van tim. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có khả năng thi hành hình phạt tiền, việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của bị cáo nên xem xét cho bị cáo được áp dụng hình phạt tiền, thấy vẫn đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước cũng như đảm bảo việc thu hồi tài sản cho Nhà nước. Đối với các bị cáo Lê Văn H2, Lê Thị Mỹ L cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo Lê Thị Mỹ L có vai trò thấp nhất trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ít tình tiết tăng nặng định khung hơn các bị cáo khác, xét hoàn cảnh của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy có thể áp dụng hình phạt cho bị cáo L dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[10] Theo quy định tại khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo Lê Văn H2, Lê Thị Mỹ L có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét tính chất, mức độ phạm tội, vai trò của các bị cáo cần áp dụng mức phạt tiền 30.000.000 đồng đối với bị cáo Lê Văn H2 là phù hợp. Bị cáo Lê Thị Mỹ L có Đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn được chấp nhận nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

- Về thu lợi bất chính:

[11] Các bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn GTGT như sau: Bị cáo Trịnh Thị H đã thu lợi số tiền 489.987.975 đồng; bị cáo Lê Văn H2 đã thu lợi số tiền 250.000.000 đồng; bị cáo Lê Thị Mỹ L đã thu lợi số tiền 58.000.000 đồng. Đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội của các bị cáo nên buộc các bị cáo phải nộp lại các số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng:

[12] Những vật chứng của vụ án hiện còn thu giữ gồm: 04 điện thoại di động; 07 bộ dấu của 07 công ty (14 con dấu bao gồm dấu công ty và dấu chức danh); 03 quyển hóa đơn đã ghi nội dung; 08 quyển hóa đơn chưa ghi nội dung; 01 thùng tài liệu gồm hợp đồng, hóa đơn, chứng từ ngân hàng; 02 máy tính xách tay nhãn

hiệu HP; 01 CPU máy tính để bàn nhãn hiệu OMEGAR; 01 CPU máy tính để bàn nhãn hiệu GOLDENCOM; 01 ổ cứng ghi nhãn hiệu ổ cứng WD S/N WCC6Y5SJNPKL, 1.0TB; 02 USB nhãn hiệu Kingston; 06 chữ ký số nhãn hiệu Viettel-CA, 01 máy in “Cannon”; 01 đầu ghi hình màu đen nhãn hiệu “Vantech” và 231.100.000 đồng. Hiện số vật chứng trên Cơ quan điều tra đã chuyển Cục Thi hành án thành phố Hải Phòng lưu giữ và đã yêu cầu các ngân hàng phong tỏa số dư 409.668.820 đồng còn lại trong tài khoản của các công ty do Trịnh Thị H quản lý.

[13] Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét: Đối với 04 chiếc điện thoại của Trịnh Thị H, Lê Văn H2, Lê Thị Mỹ L, 01 CPU máy tính để bàn nhãn hiệu OMEGAR; 01 CPU máy tính để bàn nhãn hiệu GOLDENCOM; 01 ổ cứng ghi nhãn hiệu ổ cứng WD S/N WCC6Y5SJNPKL, 1.0TB; 02 USB nhãn hiệu Kingston; 01 máy in “Cannon”; 01 đầu ghi hình màu đen nhãn hiệu “Vantech” đều là những vật dụng sử dụng vào việc mua bán hóa đơn, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 07 bộ dấu của 07 công ty (14 con dấu bao gồm dấu công ty và dấu chức danh); 03 quyển hóa đơn đã ghi nội dung; 08 quyển hóa đơn chưa ghi nội dung; 01 thùng tài liệu gồm hợp đồng, hóa đơn, chứng từ ngân hàng, 06 chữ ký số nhãn hiệu Viettel-CA đều là những vật dụng sử dụng vào việc mua bán hóa đơn, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với số tiền 27.000.000 đồng là tiền sử dụng vào việc mua bán trái phép hóa đơn nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 204.100.000 đồng thu giữ tại nhà Trịnh Thị H được xác định là tiền của Lê Đức H3 nên được trả lại cho Lê Đức H3. Đối với số tiền 409.668.820 đồng còn lại trong tài khoản của các công ty do Trịnh Thị H quản lý đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra phong tỏa tại các Ngân hàng là tiền bị cáo Trịnh Thị H thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[14] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Về những nội dung khác có liên quan đến vụ án:

[15] Đối với Vũ Thế Gia H4, Nguyễn Văn Thành: Tài liệu điều tra xác định chỉ là người môi giới mua hóa đơn, số lượng hóa đơn mà H4, Thành đã môi giới chưa đến mức phải xử lý theo pháp luật hình sự nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[16] Đối với Trần Văn Tuyên và 06 người đứng tên trong đăng ký kinh doanh của 07 Công ty mà Trịnh Thị H cùng các đồng phạm sử dụng để bán trái phép hóa đơn: Theo lời khai của H, H2 những người này không tham gia vào việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[17] Đối với Lê Đức H3: Kết quả điều tra thể hiện H3 thỉnh thoảng được bà Trịnh Thị H là mẹ đẻ nhờ đưa ra ngân hàng làm thủ tục chuyển tiền qua tài

khoản và 01 lần nhờ H3 làm thủ tục đặt in hóa đơn của Công ty Mạnh Hùng. Do bà H là mẹ của H3 nên H3 giúp, H3 không biết việc chuyển khoản ngân hàng và in hóa đơn trên nhằm mục đích gì và không biết, không tham gia hoạt động mua bán trái phép hóa đơn của Trịnh Thị H. Bản thân H3 chỉ làm dịch vụ vận tải của Công ty Mạnh Hùng nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[18] Đối với Công ty Mạnh Hùng: Kết quả điều tra xác định Trịnh Thị H là người làm thủ tục thành lập vào ngày 17 tháng 4 năm 2015, Lê Văn H2 đứng tên làm giám đốc, Nguyễn Thị Trang được thuê làm kế toán. Hiện Công ty Mạnh Hùng đang được Lê Đức H3 quản lý, kinh doanh vận tải. Do Công ty Mạnh Hùng và những cá nhân trên không tham gia hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[19] Đối với 34/59 doanh nghiệp sử dụng hóa đơn đã tiến hành xác minh đều khai có mua hàng hóa và nhận hóa đơn qua khâu trung gian. Một số giám đốc công ty khai không mua bán hóa đơn của H, H2 nên chưa có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

[20] Đối với 22/34 doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn GTGT của 07 công ty do H, H2 bán ra, tài liệu điều tra thể hiện các doanh nghiệp này mua bán hàng hóa có thật thông qua người trung gian đến công trình, kho bãi và chào bán hàng. Sau khi thỏa thuận mua bán hàng hóa xong, các doanh nghiệp yêu cầu người bán hàng phải xuất hóa đơn GTGT, chứng từ kèm theo thì mới mua và đã nhận được các số hóa đơn giá trị gia tăng trên. Chủ doanh nghiệp không biết việc mua trái phép hóa đơn, hiện không xác định được người trung gian làm gì, ở đâu. Do vậy không có căn cứ để xử lý.

[21] Đối với các doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn GTGT do H, H2 bán hiện chưa có mặt để làm việc hoặc chưa tiến hành xác minh được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã có Công văn gửi Cơ quan thuế có thẩm quyền để tiếp tục tiến hành các biện pháp xác minh, có căn cứ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trịnh Thị H**: 350.000.000 (*Ba trăm năm mươi triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Bị cáo Trịnh Thị H đã tự nguyện nộp số tiền 400.000.000 (*Bốn trăm triệu*) đồng để đảm bảo thi hành án tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền số 0005985 ngày 15 tháng 10 năm 2019, được trừ vào số tiền xử phạt bị cáo. Trả lại bị cáo Trịnh Thị H số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng.

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Văn H2**: 01 năm tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25 tháng 01 năm 2019.

Phạt tiền bị cáo Lê Văn H2 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 54, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Thị Mỹ L**: 09 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 01 năm 2019 đến ngày 03 tháng 7 năm 2019.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

2. Về thu lợi bất chính: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Trịnh Thị H phải nộp lại số tiền 489.987.975 đồng thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 409.668.820 (*Bốn trăm linh chín triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm hai mươi*) đồng còn lại trong tài khoản của các Công ty đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra phong tỏa tại các Ngân hàng (theo Ủy nhiệm chi lập ngày 19 tháng 7 năm 2019 đến số tài khoản: 3949.0. 1054385 tại Kho bạc Nhà nước thành phố Hải Phòng) gồm:

Số tài khoản 111002634274 mang tên Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thịnh TH Hoàng, mở tại Ngân hàng VietinBank chi nhánh B3. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 1.707.390 (*Một triệu bảy trăm linh bảy nghìn ba trăm chín mươi*) đồng (Công văn số 168/CV-PC03(Đ7) ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 32110000942208 mang tên Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thịnh Thiên Hoàng, mở tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Hải Phòng. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 1.103.390 (*Một triệu một trăm linh ba nghìn ba trăm chín mươi*) đồng (Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/LPT-PC03(Đ7) ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 32110000947425 mang tên Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Phúc Thiên An, mở tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hải Phòng. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 557.076 (*Năm trăm năm mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi sáu*) đồng (Lệnh phong tỏa tài khoản số 02/LPT-PC03(Đ7) ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 115002636635 mang tên Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Phúc Thiên An, mở tại Ngân hàng VietinBank chi nhánh A8. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 1.156 (*Một nghìn một trăm năm mươi sáu*) đồng (Công văn số 560/CV-PC03(Đ7) ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Công văn số 336/CV-PC03(Đ7) ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 31000014507690 mang tên Công ty TNHH Thương mại Phúc Hoàng Hưng Thịnh, mở tại Ngân hàng SeABank - Chi nhánh C2. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 301.513.565 (*Ba trăm linh một triệu năm trăm mười ba nghìn năm trăm sáu mươi lăm*) đồng (Lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPT-PC03(Đ7) ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 118002636438 mang tên Công ty TNHH Thương mại Phúc Hoàng Hưng Thịnh, mở tại Ngân hàng VietinBank chi nhánh B3. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 319.290 (*Ba trăm mười chín nghìn hai trăm chín mươi*) đồng (Công văn số 167/CV-PC03(Đ7) ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 32310000233845 mang tên Công ty TNHH Thương mại Phúc Hoàng Hưng Thịnh, mở tại Ngân hàng BIDV Đông Hải Phòng. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 726.667 (*Bảy trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy*) đồng (Công văn số 433/CV-PC03(Đ7) ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Công văn số 556/CV-PC03(Đ7) ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 32810000782528 mang tên Công ty TNHH ĐTTM DV Bảo Ngọc, mở tại Phòng giao dịch Lạch Tray – Ngân hàng BIDV Hải Phòng. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 1.330.567 (*Một triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm sáu mươi bảy*) đồng (Công văn số 431/CV-PC03(Đ7) ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Công văn số 555/CV-PC03(Đ7) ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 111002661547 mang tên Công ty TNHH ĐTTM DV Bảo Ngọc, mở tại Ngân hàng VietinBank chi nhánh Tô Hiệu. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 1.099.308 (*Một triệu không trăm chín mươi chín nghìn ba trăm linh tám*) đồng (Công văn số 165/CV-PC03(Đ7) ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 30500014669515 mang tên Công ty TNHH ĐTTM DV Bảo Ngọc, mở tại Ngân hàng SeABank phòng giao dịch A8. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 561.086 (*Năm trăm sáu mươi một nghìn không trăm tám mươi sáu*) đồng (Công văn số 554/CV-PC03(Đ7) ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Công văn số 430/Cv-PC03(Đ7) ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 2601100087007 mang tên Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Vận tải Hà Duy Khánh, mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Bắc Hải Phòng, phòng giao dịch Tô Hiệu. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 1.069.882 (*Một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm tám mươi hai*) đồng (Công văn số 261/CV-PC03(Đ7) ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng)

Số tài khoản 30100014296606 mang tên Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Vận tải Hà Duy Khánh, mở tại Ngân hàng SeABank chi nhánh Hải Phòng. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 4.013.839 (*Bốn triệu không trăm mười ba nghìn tám trăm ba mươi chín*) đồng (Công văn số 558/CV-PC03(Đ7) ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Công văn số 428/CV-PC03(Đ7) ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 32310000198731 mang tên Công ty TNHH Phát triển Thương mại Vận tải Mạnh Hường, mở tại Ngân hàng BIDV Đông Hải Phòng. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 65.740 (*Sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi*) đồng (Công văn số 260/CV-PC03(Đ7) ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 110002622138 mang tên Công ty TNHH Phát triển Thương mại Vận tải Mạnh Hường, mở tại Ngân hàng VietinBank chi nhánh Tô Hiệu. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 1.881.399 (*Một triệu tám trăm tám mươi một nghìn ba trăm chín mươi chín*) đồng (Công văn số 258/CV-PC03(Đ7) ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 30600013525999 mang tên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vận tải Trường Thành Đạt, mở tại Ngân hàng SeABank - Chi nhánh C2. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 87.471.488 (*Tám mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm tám mươi tám*) đồng (Lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPT-PC03(Đ7) ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

Số tài khoản 2111201007228 mang tên Công ty TNHH Phát triển Vận tải Mạnh Hùng, mở tại Ngân hàng Agribank – chi nhánh Bắc Hải Phòng. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa: 6.246.977 (*Sáu triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi bảy*) đồng (Công văn số 166/CV-PC03(Đ7) ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

+ Ghi nhận bị cáo Trịnh Thị H đã nộp số tiền 80.000.000 (*Tám mươi triệu*) đồng tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền số 0005986 ngày 15 tháng 10 năm 2019. Bị cáo Trịnh Thị H còn phải nộp lại tiếp số tiền 319.155 (*Ba trăm mười chín nghìn một trăm năm mươi lăm*) đồng.

- Buộc bị cáo Lê Văn H2 phải nộp lại số tiền 250.000.000 đồng thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Lê Văn H2 đã nộp số tiền 250.000.000 (*Hai trăm năm mươi triệu*) đồng tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo các Biên lai thu tiền số 0000346 ngày 11 tháng 10 năm 2019 và số 0000350 ngày 15 tháng 10 năm 2019.

- Buộc bị cáo Lê Thị Mỹ L phải nộp lại số tiền 58.000.000 đồng thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Lê Thị Mỹ L đã nộp số tiền 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu*) đồng tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền số 0000349 ngày 15 tháng 10 năm 2019. Bị cáo Lê Thị Mỹ L còn phải nộp lại tiếp số tiền 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 27.000.000 đồng.

+ 01 điện thoại ghi nhãn hiệu Iphone 6 Plus IMEI số: 356995060178762.

+ 01 điện thoại ghi nhãn hiệu Samsung J7 Pro IMEI 1 số: 353317092113761.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 150, IMEI 1 số: 355850091928258.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo R7sf IMEI số: 867934029608116.

+ 02 máy tính xách tay nhãn hiệu HP.

+ 01 CPU máy tính để bàn nhãn hiệu OMEGAR.

+ 01 CPU để bàn nhãn hiệu GOLDENCOM.

+ 01 ổ cứng ghi nhãn hiệu WD S/N WCC6Y5SJNPKL, 1.0TB.

+ 02 USB nhãn hiệu KINGSTON.

+ 01 máy in Canon.

+ 01 đầu ghi hình màu đen nhãn hiệu Vantech.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 14 con dấu của các công ty (dấu công ty và dấu chức danh).

+ 08 quyển hóa đơn chưa ghi nội dung.

+ 01 thùng tài liệu gồm hợp đồng, hóa đơn, chứng từ ngân hàng.

- Trả lại cho Lê Đức H3 số tiền 204.100.000 (*Hai trăm linh tư triệu một trăm nghìn*) đồng thu giữ tại nhà Trịnh Thị H.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và Ủy nhiệm chi lập ngày 19 tháng 7 năm 2019 đến số tài khoản: 3949.0. 1054385 tại Kho bạc Nhà nước thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- PV27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP. Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA**

Lê Đức Lập